

Mẫu CBTT/SGDHCM-02
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158/PA-CBTT

TP.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM
- Mã chứng khoán: PAC
- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: 028.39203062
- Fax: 028.39203060
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Duy Hưng
Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH KPMG. Báo cáo tài chính này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/03/2022 tại đường dẫn: www.pinaco.com.vn.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2021 đã kiểm toán

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN NĂM



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 17) ngày 30 tháng 1 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng
Ông Trần Thanh Văn
Ông Lê Văn Năm
Ông Nguyễn Văn Chung
Ông Shinichiro Ota

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Bà Trần Thị Kiều Ly
Bà Vũ Thị Mai Nhung

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Năm
Ông Đào Ngọc Minh Tiến
Ông Nguyễn Điền Phước Chân

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
(đến ngày 1/11/2021)
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất
(từ ngày 12/1/2021)

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



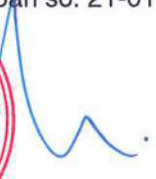
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00345-22-1




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2022



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.809.377.900.144	1.728.172.294.801
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	119.156.485.767	149.345.138.970
Tiền	111		119.156.485.767	149.345.138.970
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		789.800.000.000	673.414.528.953
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	789.800.000.000	673.414.528.953
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.693.822.001	165.494.131.114
Phải thu của khách hàng	131	6	68.722.168.690	63.162.858.180
Trả trước cho người bán	132	7	32.864.678.654	59.094.539.985
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	75.311.660.503	44.617.391.415
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.204.876.660)	(1.436.551.094)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		190.814	55.892.628
Hàng tồn kho	140	10	673.628.923.742	690.614.750.197
Hàng tồn kho	141		676.718.983.293	693.487.597.550
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.090.059.551)	(2.872.847.353)
Tài sản ngắn hạn khác	150		51.098.668.634	49.303.745.567
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.387.686.796	6.815.924.928
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	45.710.981.838	42.487.820.639

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		670.271.974.529	672.057.395.120
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.086.221.300	3.199.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		5.086.221.300	3.199.200.000
Tài sản cố định	220		548.216.240.777	544.845.481.717
Tài sản cố định hữu hình	221	11	321.609.715.850	324.003.084.661
Nguyên giá	222		1.146.176.877.563	1.081.563.315.394
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(824.567.161.713)	(757.560.230.733)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	17.465.218.180	5.069.570.731
Nguyên giá	225		20.168.098.671	5.245.962.075
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.702.880.491)	(176.391.344)
Tài sản cố định vô hình	227	13	209.141.306.747	215.772.826.325
Nguyên giá	228		263.190.870.706	263.190.870.706
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.049.563.959)	(47.418.044.381)
Tài sản dở dang dài hạn	240		36.108.430.868	40.255.912.553
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	36.108.430.868	40.255.912.553
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		48.361.081.584	51.256.800.850
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	12.844.522.097	17.029.953.711
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.498.887.617	3.750.859.690
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	32.017.671.870	30.475.987.449
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.479.649.874.673	2.400.229.689.921

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

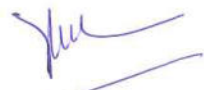
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.612.323.640.526	1.669.933.120.336
Nợ ngắn hạn	310		1.544.667.378.830	1.601.462.784.134
Phải trả người bán	311	18	153.936.425.775	136.175.222.516
Người mua trả tiền trước	312		61.194.955.414	83.577.304.793
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	14.539.657.377	5.734.481.491
Phải trả người lao động	314		122.565.361.286	93.753.078.426
Chi phí phải trả	315	20	21.276.621.132	32.471.409.855
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	6.320.983.118	7.099.417.925
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.139.839.918.220	1.226.100.136.505
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	10.324.167.290	10.165.026.008
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	14.669.289.218	6.386.706.615
Nợ dài hạn	330		67.656.261.696	68.470.336.202
Phải trả dài hạn khác	337		1.502.680.000	420.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	66.153.581.696	68.050.336.202
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		867.326.234.147	730.296.569.585
Vốn chủ sở hữu	410	25	867.326.234.147	730.296.569.585
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		224.774.617.112	161.626.946.846
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.249.847.811	102.367.853.515
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.422.881.928	256.806.949
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		173.826.965.883	102.111.046.566
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.479.649.874.673	2.400.229.689.921


Ngày 1 tháng 3 năm 2022

Người lập:


 Nguyễn Văn Diệp
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:


 Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng


 Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	3.530.513.437.533	3.449.081.662.295
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	481.995.781.412	495.063.514.894
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	3.048.517.656.121	2.954.018.147.401
Giá vốn hàng bán	11	30	2.601.727.111.866	2.506.020.952.550
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		446.790.544.255	447.997.194.851
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	70.659.529.478	55.413.913.065
Chi phí tài chính	22	32	52.525.772.125	68.971.091.758
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		45.932.294.698	60.775.575.264
Chi phí bán hàng	25	33	206.746.841.301	195.909.646.390
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	51.876.337.690	49.707.851.117
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		206.301.122.617	188.822.518.651
Thu nhập khác	31	35	16.253.083.711	763.497.610
Chi phí khác	32		142.584.204	78.754.126
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		16.110.499.507	684.743.484
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		222.411.622.124	189.507.262.135
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	48.332.684.168	38.645.255.863
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	251.972.073	2.279.252.706
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		173.826.965.883	148.582.753.566
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	3.366	2.910

Ngày 1 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:




Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		222.411.622.124	189.507.262.135
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		82.467.772.387	81.200.199.597
Các khoản dự phòng	03		16.213.098.122	3.047.332.637
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		525.809.626	81.864.156
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(58.842.989.808)	(50.064.373.946)
Chi phí lãi vay	06		45.932.294.698	60.775.575.264
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		308.707.607.149	284.547.859.843
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		17.444.327.058	(17.515.971.595)
Biến động hàng tồn kho	10		15.226.929.836	55.774.171.870
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.369.044.172)	20.308.249.100
Biến động chi phí trả trước	12		5.613.669.746	1.232.575.519
			333.623.489.617	344.346.884.737
Tiền lãi vay đã trả	14		(46.578.769.904)	(59.938.572.077)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(39.381.559.143)	(44.144.428.632)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.278.865.218)	(15.377.516.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		242.384.295.352	224.886.367.603
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(99.525.308.212)	(96.061.679.902)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		266.428.932	53.100.000
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23		(760.914.528.953)	(457.524.107.154)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24		673.414.529.083	464.620.608.504
Tiền thu lãi tiền gửi	27		26.196.849.725	29.852.540.552
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(160.562.029.425)	(59.059.538.000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.565.160.567.698	2.747.755.522.966
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.649.302.230.590)	(2.879.420.457.725)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.108.446.058)	(891.978.027)
Tiền trả cổ tức	36		(23.235.853.500)	(69.706.145.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(111.485.962.450)	(202.263.058.261)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(29.663.696.523)	(36.436.228.658)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		149.345.138.970	186.481.253.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(524.956.680)	(699.885.965)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	119.156.485.767	149.345.138.970

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2021 VND	2020 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	44.778.989.284	33.422.409.337
Thu nhập lãi tiền gửi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính nhập gốc	28.885.471.177	23.781.289.799

Ngày 1 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/12/2021	1/1/2021
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1.229 nhân viên (1/1/2021: 1.201 nhân viên).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.295.057.121	1.283.975.684
Tiền gửi ngân hàng	117.861.428.646	148.061.163.286
	<hr/>	<hr/>
	119.156.485.767	149.345.138.970

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch nhưng dưới một năm từ ngày cuối năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,0% đến 7,75% (2020: 6,7% đến 8,5%).

6. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty TNHHẮc quy Vĩnh Phúc	8.871.420.800	8.081.312.800
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Xe tải Thaco	7.143.565.000	4.408.144.400
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	6.991.209.594	5.134.900.815
Công ty TNHH Thaco-Kia Motors	6.241.605.040	6.278.633.840
Faith Chemical Enterprises	5.644.511.522	6.796.258.149
Win Cherry Company	4.572.974.134	-
Ông Chea Se	-	11.927.648.312
Các khách hàng khác	29.256.882.600	20.535.959.864
	<hr/>	<hr/>
	68.722.168.690	63.162.858.180



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	7.407.203.757	10.058.050.076
Yixing Ze Environmental	3.455.377.100	-
Công ty cổ phần Kim loại màu Vimico - Thái Nguyên	2.033.765.384	1.697.687.595
Maschinenfabrik Gustav Eirich	1.295.594.926	-
Kae Lii Machine Mfg Co., Ltd	-	13.422.943.528
Lagardere Sports Asia PTE, Ltd	-	7.800.810.000
Các nhà cung cấp khác	18.672.737.487	26.115.048.786
	<hr/> 32.864.678.654	<hr/> 59.094.539.985

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trả trước cho thuê tài chính	42.185.458.023	12.994.619.626
Phải thu lãi tiền gửi	30.428.968.494	26.934.728.520
Tạm ứng cho nhân viên	1.869.208.543	2.654.283.210
Phải thu khác	828.025.443	2.033.760.059
	<hr/> 75.311.660.503	<hr/> 44.617.391.415

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.229.693.637	368.908.091	860.785.546
Công ty Cổ phần Ô tô Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	1.902.635.946	721.016.569	1.181.619.377
		<hr/> 3.247.281.583	<hr/> 1.204.876.660	<hr/> 2.042.404.923

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2021	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.404.568.597	721.370.579	1.683.198.018
Faith Chemical Enterprises Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 2 năm	755.561.180	334.562.822	420.998.358
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	506.339.520	380.617.693	125.721.827
		3.666.469.297	1.436.551.094	2.229.918.203

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.436.551.094	3.883.045.582
Số trích lập trong năm	455.850.658	393.752.270
Số hoàn nhập trong năm	(687.525.092)	(2.840.246.758)
Số dư cuối năm	1.204.876.660	1.436.551.094

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	37.171.335.453	-	88.479.588.489	-
Nguyên vật liệu	282.185.254.080	-	211.678.052.000	-
Công cụ và dụng cụ	7.651.949.738	-	9.315.441.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	147.015.198.355	-	121.039.769.130	-
Thành phẩm	198.425.998.170	(3.090.059.551)	262.430.807.483	(2.872.847.353)
Hàng hóa	9.307.193	-	543.939.432	-
Hàng hóa ký gửi	4.259.940.304	-	-	-
Hàng tồn kho	676.718.983.293	(3.090.059.551)	693.487.597.550	(2.872.847.353)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	32.017.671.870	-	30.475.987.449	-

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá của các tài sản trên như sau:

Hàng tồn kho	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.872.847.353	6.106.909.839
Số trích lập trong năm	217.212.198	-
Số hoàn nhập trong năm	-	(3.234.062.486)
Số dư cuối năm	3.090.059.551	2.872.847.353

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	193.797.303.973	838.621.548.953	32.985.821.285	13.255.063.629	2.903.577.554	1.081.563.315.394
Mua sắm trong năm	85.000.000	1.388.767.597	160.000.000	46.000.000	-	1.679.767.597
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 14)	8.189.450.253	59.336.027.001	1.711.150.000	-	-	69.236.627.254
Thanh lý trong năm	-	(5.111.102.089)	(1.191.730.593)	-	-	(6.302.832.682)
Số dư cuối năm	202.071.754.226	894.235.241.462	33.665.240.692	13.301.063.629	2.903.577.554	1.146.176.877.563
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	108.096.656.947	612.502.621.448	23.440.325.802	11.138.025.123	2.382.601.413	757.560.230.733
Khấu hao trong năm	11.746.140.834	58.231.577.801	2.606.521.736	561.447.477	164.075.814	73.309.763.662
Thanh lý trong năm	-	(5.111.102.089)	(1.191.730.593)	-	-	(6.302.832.682)
Số dư cuối năm	119.842.797.781	665.623.097.160	24.855.116.945	11.699.472.600	2.546.677.227	824.567.161.713
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	85.700.647.026	226.118.927.505	9.545.495.483	2.117.038.506	520.976.141	324.003.084.661
Số dư cuối năm	82.228.956.445	228.612.144.302	8.810.123.747	1.601.591.029	356.900.327	321.609.715.850

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 511.032 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 475.188 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 30.684 triệu VND (1/1/2021: 35.467 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.250.350.930	995.611.145	5.245.962.075
Tăng trong năm	14.922.136.596	-	14.922.136.596
<hr/>			
Số dư cuối năm	19.172.487.526	995.611.145	20.168.098.671
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	171.291.465	5.099.879	176.391.344
Khấu hao trong năm	2.402.037.754	124.451.393	2.526.489.147
<hr/>			
Số dư cuối năm	2.573.329.219	129.551.272	2.702.880.491
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.079.059.465	990.511.266	5.069.570.731
Số dư cuối năm	16.599.158.307	866.059.873	17.465.218.180
<hr/>			

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất - VND	Phần mềm vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	247.954.936.198	10.017.155.852	5.218.778.656	263.190.870.706
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	33.431.237.983	8.768.027.742	5.218.778.656	47.418.044.381
Khấu hao trong năm	5.572.058.509	1.059.461.069	-	6.631.519.578
Số dư cuối năm	39.003.296.492	9.827.488.811	5.218.778.656	54.049.563.959
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	214.523.698.215	1.249.128.110	-	215.772.826.325
Số dư cuối năm	208.951.639.706	189.667.041	-	209.141.306.747

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 14.815 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 10.765 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản vô định vô hình với giá trị còn lại là 16.798 triệu VND (1/1/2021: 17.342 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	40.255.912.553	45.524.928.011
Mua sắm trong năm	65.089.145.569	39.305.143.814
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(69.236.627.254)	(44.574.159.272)
Số dư cuối năm	36.108.430.868	40.255.912.553

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Máy móc và thiết bị	28.813.437.039	33.387.093.697
Các công trình khác	7.294.993.829	6.868.818.856
	36.108.430.868	40.255.912.553

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2021		1/1/2021	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,00%	32.500.000.000	26,00%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.556.063.225	12.473.890.486	17.029.953.711
Tăng trong năm	3.259.125.015	4.349.701.160	7.608.826.175
Phân bổ trong năm	(3.296.714.868)	(8.497.542.921)	(11.794.257.789)
Số dư cuối năm	4.518.473.372	8.326.048.725	12.844.522.097

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự phòng bảo hành	20%	2.064.833.459	2.033.005.202
Chi phí phải trả	20%	678.540.440	972.273.869
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	618.011.910	574.569.471
Chênh lệch tỷ giá	20%	137.501.808	171.011.148
		3.498.887.617	3.750.859.690

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2021 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2021 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Thai United Industry Company Ltd.	21.958.979.120	16.049.003.107
Công ty TNHH Thye Míng Việt Nam	23.200.235.934	7.772.635.180
Korea Zinc Co.,Ltd, Onsan Complex	18.895.221.605	9.181.563.741
Công ty cổ phần Tân Phú Việt Nam	17.902.003.560	6.039.533.031
Trafigura PTE LTD	-	28.653.346.901
Các nhà cung cấp khác	71.979.985.556	68.479.140.556
	153.936.425.775	136.175.222.516

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2021 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2021 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	1.894.362.800	2.906.543.200
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	38.021.500	8.162.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	696.545.036.693	(552.435.544.121)	(144.109.492.572)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.722.305.269 (413.256.353)	48.332.684.168 4.614.962.471	-	(39.381.559.143) (4.761.384.650)	16.673.430.294 (559.678.532)
Phí thuế đất và các loại thuế khác	(1.574.567.425)	11.408.964.459	-	(11.408.491.419)	(1.574.094.385)
	5.734.481.491	760.901.647.791	(552.435.544.121)	(199.660.927.784)	14.539.657.377

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Số hoàn trả trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	42.487.820.639	562.637.593.556	(552.435.544.121)	(6.978.888.236)	45.710.981.838

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	16.612.291.210	21.092.134.126
Chi phí vận chuyển	1.774.486.147	3.588.793.627
Chi phí lãi vay	1.769.596.028	2.416.071.234
Các khoản chi phí phải trả khác	1.120.247.747	5.374.410.868
	<hr/>	<hr/>
	21.276.621.132	32.471.409.855
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	1.964.195.980	1.970.749.740
Cổ tức	18.973.740	18.502.065
Các khoản phải trả khác	4.337.813.398	5.110.166.120
	<hr/>	<hr/>
	6.320.983.118	7.099.417.925
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.168.110.132.323	1.168.110.132.323	2.537.540.007.218	(2.629.173.172.180)	93.136.159	1.076.570.103.520	1.076.570.103.520
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	25.490.004.182	25.490.004.182	29.517.314.986	(24.237.504.468)	-	30.769.814.700	30.769.814.700
	1.226.100.136.505	1.226.100.136.505	2.567.057.322.204	(2.653.410.676.648)	93.136.159	1.139.839.918.220	1.139.839.918.220

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số: 01/2019/PLHĐ/VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo phụ lục hợp đồng, khoản vay này đến hạn ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa hoàn tất thỏa thuận gia hạn hợp đồng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2021	1/1/2021
		2021	2020	VND	VND
<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	3,5%-4%	4,0%-4,9%	330.655.379.687	354.048.880.358
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,0%-3,25%	2,0%-3,25%	159.783.434.825	156.889.941.054
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	2,0%-3,2%	2,2%-3,2%	122.402.553.147	121.775.543.308
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	3,0%	3,7%-4,5%	109.712.231.576	123.570.624.904
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	VND	3,0%	3,0%-4,15%	102.070.477.804	23.693.923.593
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	USD	2,1%	2,1%	-	68.813.821.745
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	USD	2,9%-3,0%	3,0%	71.703.758.867	82.824.483.597
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	VND	1,8%-2,0%	4,0-4,3%	40.390.035.872	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,8-4,3%	3,24%-3,33%	18.997.574.376	35.142.542.687
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,24%-3,33%	4,5%-5,0%	53.865.585.835	27.930.300.810
Ngân hàng TMCP Phương Đông	USD	2,6%	3,5%	46.231.216.667	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	USD	2,0%	1,8%-2,1%	20.757.854.864	91.776.494.431
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	2,9%-3,0%	3,2%-4,3%	-	36.211.944.108
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	USD	2,6%	3,0%	-	45.431.631.728
				1.076.570.103.520	1.168.110.132.323

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	96.923.396.396	93.540.340.384
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(30.769.814.700)	(25.490.004.182)
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng	66.153.581.696	68.050.336.202

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
		2021	2020		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	8,5%-9,0%	8,5-9,6%	59.005.000.000	80.900.475.150
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)	VND	7,7%-8,1%	9,0%	37.918.396.396	12.639.865.234
				96.923.396.396	93.540.340.384

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi số lần lượt là 30.684 triệu VND và 16.798 triệu VND (1/1/2021: 35.467 triệu VND và 17.342 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi VND
Trong vòng một năm	10.889.394.389	2.819.579.689	4.549.891.481	955.362.449
Trong vòng hai đến năm năm	34.541.250.052	4.692.668.356	10.112.749.319	1.067.413.117
	45.430.644.441	7.512.248.045	14.662.640.800	2.022.775.566
				Nợ gốc VND
				3.594.529.032
				9.045.336.202

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	10.165.026.008	9.090.947.990
Số trích lập trong năm	16.227.560.358	18.212.227.269
Số sử dụng trong năm	(16.068.419.076)	(17.138.149.251)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.324.167.290	10.165.026.008

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	6.386.706.615	4.746.728.397
Số trích lập trong năm	13.561.447.821	17.017.494.643
Số sử dụng trong năm	(5.278.865.218)	(15.377.516.425)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	14.669.289.218	6.386.706.615

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	464.717.070.000	1.584.699.224	83.280.322.025	118.856.779.913	668.438.871.162
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	148.582.753.566	148.582.753.566
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	78.346.624.821	(78.346.624.821)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.017.494.643)	(17.017.494.643)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(69.707.560.500)	(69.707.560.500)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	102.367.853.515	730.296.569.585
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	173.826.965.883	173.826.965.883
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	63.147.670.266	(63.147.670.266)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.561.447.821)	(13.561.447.821)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(23.235.853.500)	(23.235.853.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	464.717.070.000	1.584.699.224	224.774.617.112	176.249.847.811	867.326.234.147

Trong năm, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 201/PA-HĐQT ngày 3 tháng 5 năm 2021.

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 299/NQ-HĐQT/2021 ngày 13 tháng 7 năm 2021, Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 23.235 tỷ VND (2020: 69.707 tỷ VND).



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
Sai Gon 3 Capital Company Limited	6.038.220	12,99%	-	-
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công ty chứng khoán Thành Công	2.791.701	6,01%	-	-
Công đoàn Công ty cổ phần Pin Ác quy	2.325.034	5,00%	2.258.634	4,86%
Các cổ đông khác	6.518.771	14,03%	15.415.092	33,17%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	3.944.776.000	2.130.024.000
Trong vòng hai đến năm năm	14.237.226.891	3.988.983.539
	18.182.002.891	6.119.007.539

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	25.045.116.529	18.765.730.291

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.238.744	28.045.163.707	2.232.406	51.423.468.524
EUR	270	6.852.353	281	7.855.809
		28.052.016.060		51.431.324.333

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Báo cáo bộ phận**

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do phần lớn tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	2021 VND	2020 VND
Trong nước	2.421.555.130.369	2.361.843.860.832
Xuất khẩu	626.962.525.752	592.174.286.569
	<hr/>	<hr/>
	3.048.517.656.121	2.954.018.147.401
	<hr/>	<hr/>

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và Ắc quy	3.530.513.437.533	3.449.081.662.295
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	479.289.185.125	494.460.017.665
▪ Hàng bán bị trả lại	2.706.596.287	603.497.229
	<hr/>	<hr/>
	481.995.781.412	495.063.514.894
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	3.048.517.656.121	2.954.018.147.401
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Giá vốn hàng bán**

	2021 VND	2020 VND
Pin và ắc quy đã bán	2.586.717.678.439	2.462.357.477.436
Khuyến mãi có điều kiện	14.792.221.229	56.381.875.258
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	217.212.198	(12.718.400.144)
	<hr/> 2.601.727.111.866	<hr/> 2.506.020.952.550

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	58.576.560.876	50.011.273.946
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.082.968.602	5.402.365.039
Chiết khấu thanh toán	-	274.080
	<hr/> 70.659.529.478	<hr/> 55.413.913.065

32. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	45.932.294.698	60.775.575.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.647.798.607	8.113.652.338
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	525.809.626	81.864.156
Chiết khấu thanh toán	2.419.869.194	-
	<hr/> 52.525.772.125	<hr/> 68.971.091.758



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	43.731.036.628	33.516.469.024
Chi phí công cụ và dụng cụ	4.057.327.962	866.873.251
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.122.725.983	3.233.601.128
Chi phí bảo hành	16.227.560.358	18.212.227.269
Chi phí quảng cáo	36.131.901.536	15.618.360.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.266.104.611	46.096.192.684
Chi phí bán hàng khác	54.210.184.223	78.365.922.162
	206.746.841.301	195.909.646.390

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	30.016.943.206	24.528.059.272
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.408.647.502	1.232.786.557
Chi phí khấu hao và phân bổ	805.432.698	1.102.448.660
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(231.674.434)	(2.446.494.488)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.938.841.008	12.248.433.910
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.938.147.710	13.042.617.206
	51.876.337.690	49.707.851.117

35. Thu nhập khác

	2021 VND	2020 VND
Tiền bồi thường nhận được từ bảo hiểm (*)	14.673.485.214	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định	266.428.932	53.100.000
Các khoản khác	1.313.169.565	710.397.610
	16.253.083.711	763.497.610

(*) Khoản tiền bồi thường nhận được từ bảo hiểm do sự cố cháy nhà xưởng xảy ra năm 2019.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.082.737.501.095	2.091.540.215.760
Chi phí nhân công và nhân viên	299.257.054.806	276.100.237.365
Chi phí khấu hao và phân bổ	82.467.772.387	81.200.199.597
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	345.767.886.038	371.517.678.272
	<hr/>	<hr/>
	2.810.230.214.326	2.820.358.330.994
	<hr/>	<hr/>

37. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	44.305.173.012	35.706.315.793
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.027.511.156	2.938.940.070
	<hr/>	<hr/>
	48.332.684.168	38.645.255.863
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	251.972.073	2.279.252.706
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	48.584.656.241	40.924.508.569
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	222.411.622.124	189.507.262.135
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	44.482.324.425	37.901.452.427
Chi phí không được khấu trừ thuế	74.820.660	84.116.072
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.027.511.156	2.938.940.070
	48.584.656.241	40.924.508.569

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2021	2020
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	173.826.965.883	148.582.753.566
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(17.382.696.588)	(13.372.447.821)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	156.444.269.295	135.210.305.745
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.366	2.910

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế, năm 2020 tỉ lệ là 9%.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn hóa chất Việt Nam</i>		
Cổ tức được chia	11.949.136.500	35.847.409.500
Cổ đông lớn		
<i>The Furukawa Battery Co Ltd.,</i>		
Phí bản quyền	2.335.123.869	3.826.134.899
Cổ tức được chia	2.449.854.000	7.349.562.000
Công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	10.725.052.699	21.625.605.870
<i>Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn</i>		
Mua hàng hóa	333.670.700	405.585.400

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix		
Mua hàng hóa	-	3.168.434.396
Hội đồng Quản trị		
Thù lao và phụ cấp		
Ông Lê Hoàng	233.000.000	99.000.000
Ông Lê Văn Năm	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	157.600.000	147.600.000
Ông Trần Thanh Văn	157.600.000	72.000.000
Ông Phạm Thanh Tùng	-	99.000.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao và phụ cấp		
Bà Trần Thị Kiều Ly	81.600.000	81.600.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	81.600.000	81.600.000
Lương, thưởng và phụ cấp		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	543.200.000	446.480.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phụ cấp		
Tổng giám đốc	742.800.000	598.960.000
Thành viên khác của Ban Giám đốc	769.200.000	637.180.000

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 1 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:






Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc